

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ XUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *MS9* /UBND-TCKH  
V/v đăng tải, niêm yết công khai  
các chính sách của Trung ương về  
hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp.

Vị Xuyên, ngày *20* tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính công,
- Trung tâm văn hóa thông tin và du lịch,
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện văn bản số 1376/SKHĐT-DN ngày 13/7/2018 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hà Giang “V/v rà soát, tổng hợp các chính sách của Trung ương về hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp”;

**UBND huyện Vị Xuyên chỉ đạo như sau:**

1. Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính công thực hiện đăng tải, niêm yết tại trụ sở các văn bản chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp để thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức trong việc tra cứu và hướng dẫn cụ thể cho hợp tác xã thực hiện.
2. Trung tâm văn hóa thông tin và du lịch huyện Vị Xuyên tổ chức tuyên truyền và đăng tải công khai các văn bản chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên công thông tin điện tử của Huyện.
3. UBND các xã, thị trấn thực hiện tuyên truyền rộng rãi và đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương, niêm yết các các văn bản chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp tại bộ phận giao dịch một cửa.

*(Có biểu các văn bản chi tiết kèm theo)*

UBND huyện Vị Xuyên yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TTr.HĐND & UBND Huyện (B/C);
- Như trên (thực hiện);
- VP HĐND&UBND Huyện;
- Lưu: VT, G-TH. *62*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Dương Thị Phương*

**PHẦN I: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG VỀ CÁC CHÍNH SÁCH  
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo văn bản số: **163** /UBND-TCKH ngày **20** tháng 7 năm 2018 của UBND huyện Vị Xuyên)

STT	Số, ký hiệu văn bản ngày, tháng, năm	Nội dung chủ yếu văn bản	Tra cứu các chính sách
1	Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012	Luật Hợp tác xã	- Trình tự thủ tục thực hiện: Luật Hợp tác xã đã được cơ quan Trung ương đăng tải trên hệ thống sơ sở dữ liệu Quốc gia tại địa chỉ <a href="http://csdl.thutuchanhchinh.vn/Bộ Kế hoạch và Đầu tư/lĩnh vực Hợp tác xã">http://csdl.thutuchanhchinh.vn/Bộ Kế hoạch và Đầu tư/lĩnh vực Hợp tác xã</a>
1	Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã	- Trang thông tin điện tử của tỉnh (Dịch vụ hành chính công tỉnh Hà Giang
2	Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã	Tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> chọn thủ tục hành chính/UBND các huyện, thành phố/lĩnh vực kinh tế tập thể
3	Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ	Về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT; các Sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện thành, phổ tổng hợp và xây dựng Kế hoạch hàng năm trình UBND tỉnh báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị và UBND các huyện thành, phổ tham mưu Ủy ban nhân dân các tỉnh tổ chức thực hiện
5	Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính	Hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho HTX gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp trong dự toán ngân sách của địa phương, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, đồng gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới), Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư...

STT	Số, ký hiệu văn bản ngày, tháng, năm	Nội dung chủ yếu văn bản	Tra cứu các chính sách
6	Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/04/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh rà soát các Nghị quyết, Đề án, Kế hoạch đã được ban hành để điều chỉnh, bổ sung nội dung, giải pháp tổ chức thực hiện và bố trí nguồn lực hỗ trợ để phù hợp với Đề án này. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án có hiệu quả trên địa bàn. Tập trung nâng cao năng lực và kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường lực lượng cán bộ đủ mạnh để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp
7	Văn bản số 2367/BKHĐT-HTX ngày 13/4/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hướng dẫn hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2016 – 2020 phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện
8	Văn bản số 3626/BKHĐT-HTX ngày 31/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2016 - 2020 trong chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	Các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố căn cứ nhu cầu thực tế của các hợp tác xã tại ngành, địa phương mình xây dựng chương trình, thời gian, hình thức tổ chức bồi dưỡng cho phù hợp, đáp ứng tối đa nhu cầu của các hợp tác xã.
9	Văn bản số 7602/BTC-HCSN ngày 26/6/2018 của Bộ Tài chính	Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Tài chính hướng dẫn để các Sở, ban ngành và UBND các huyện thành, phố tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 461/QĐ-TTg-CP ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020
10	Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ	Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh
11	Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ	Về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm	Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh
12	Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp	Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh

STT	Số, ký hiệu văn bản ngày, tháng, năm	Nội dung chủ yếu văn bản	Tra cứu các chính sách
13	Quyết định số 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ	Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh
II	<b>Luật Đất đai số 23/2013/QH13 ngày 29/11/2013</b>	<b>Luật Đất đai</b>	
1	Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn thuế, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp	- Trình tự thủ tục: Luật Đầu tư, Luật Đất đai đã được cơ quan Trung ương đăng tải trên hệ thống sơ sở dữ liệu Quốc gia tại địa chỉ <a href="http://csdl.thutuchanhchinh.vn">http://csdl.thutuchanhchinh.vn</a> ; <a href="http://vanban.chinhphu.vn/">http://vanban.chinhphu.vn/</a>
2	Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ	Quy định chi tiết về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	- <a href="http://vanban.chinhphu.vn/">http://vanban.chinhphu.vn/</a> ; Trang thông tin điện tử của tỉnh (Dịch vụ hành chính công tỉnh Hà Giang
3	Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	Tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> chọn thủ tục hành chính/Sở Kế hoạch và Đầu tư/lĩnh vực Đầu tư
4	Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính	Hướng dẫn một số điều của nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	và Chọn mục Sở Tài nguyên và Môi trường/lĩnh vực Đất đai ...
III	<b>Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật quản lý thuế sửa đổi bổ sung số 21/2012/QH 13, ngày 20/11/2012</b>	<b>Quy định chung về Quản lý thuế; Sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Luật số 78/2006/QH11</b>	
1	Luật thuế GTGT số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013	Sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12	

STT	Số, ký hiệu văn bản ngày, tháng, năm	Nội dung chủ yếu văn bản	Tra cứu các chính sách
2	Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Luật thuế Tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009	Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, kê khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế tài nguyên.	Tất cả các chính sách hướng dẫn về các Luật thuế đã được đăng tải trên Website Cục Thuế (Địa chỉ: <a href="mailto:hagiang.hgi@gdt.gov.vn">hagiang.hgi@gdt.gov.vn</a> )
3	Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ	Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật thuế GTGT;	
4	Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ	Quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	
5	Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội	về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn thuế, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;	
6	Quyết định số 42/2015/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ	V/v hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn	
7	Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính	Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	
8	Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính	Hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;	
9	Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính	Hướng dẫn về thuế tài nguyên	

## PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo văn bản số: **1159** /UBND-TCKH ngày **20** tháng 7 năm 2018 của UBND huyện Vị Xuyên)

### **I. Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012**

#### **Điều 6. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước**

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ sau đây đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- a) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực;
- b) Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường;
- c) Ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới;
- d) Tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;
- d) Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;
- e) Thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Nhà nước có chính sách ưu đãi sau đây đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- a) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế;
- b) Ưu đãi lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, ngoài việc được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi sau đây:

- a) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng;
- b) Giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về đất đai;
- c) Ưu đãi về tín dụng;
- d) Vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh;
- đ) Chế biến sản phẩm.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này căn cứ vào lĩnh vực, địa bàn, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ của đất nước và trình độ phát triển của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**1. Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã**

**Điều 24. Chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Điểm a, khoản 1, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định chính sách Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo chính quy, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật đối với cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên hợp tác xã.

2. Điểm b, khoản 1, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường:

Nhà nước hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia các triển lãm trong và ngoài nước; tổ chức các hội chợ, triển lãm dành riêng cho khu vực hợp tác xã; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, xây dựng và triển khai cổng thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Điểm c, khoản 1, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

a) Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và cấp tỉnh hàng năm dành một phần kinh phí hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đổi mới, ứng dụng công nghệ và thông báo kết quả thực hiện cho cơ quan quản lý nhà nước về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Nhà nước hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ từ nguồn kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học công nghệ đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Điểm d, khoản 1, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh; hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; ưu tiên vay vốn tín dụng từ ngân hàng phát triển và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; được vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

b) Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn quy định tại Điểm này.

5. Điểm đ, khoản 1, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có đủ năng lực được ưu tiên tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sau đây:

a) Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn và quản lý các công trình sau khi hoàn thành, kể cả các công trình chợ và công trình hạ tầng phục vụ phát triển cụm công nghiệp và cụm làng nghề ở nông thôn;

b) Các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn phù hợp với khả năng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

6. Điểm e, khoản 1, Điều 6, Luật Hợp tác xã. Chính sách thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Sáng lập viên hợp tác xã được cung cấp miễn phí thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp Luật Hợp tác xã trước khi thành lập hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ tư vấn xây dựng điều lệ, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Điều 25. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp**

Ngoài việc được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi quy định tại Điều 24 Nghị định này, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên là những cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp còn được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi sau đây:

1. Điểm a, khoản 3, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

a) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bao gồm: trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất, kinh doanh cho cộng đồng thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở các dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các công trình kết cấu hạ tầng được nhà nước hỗ trợ xây dựng theo quy định tại Điểm a Khoản này, sau khi hoàn thành là tài sản không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm bảo quản, duy tu và bảo dưỡng các công trình trong quá trình sử dụng.

2. Điểm b, khoản 3, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định chính sách giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Việc hỗ trợ đất đai đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.



3. Điểm c, khoản 3, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định chính sách ưu đãi về tín dụng

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới hoặc có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh được ưu tiên vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu thuộc diện ưu đãi đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Điểm d, khoản 3, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh

Tùy theo mức độ thiệt hại, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh và nhu cầu thực tế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi về vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật hiện hành về việc hỗ trợ giống, cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất đối với vùng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh.

5. Điểm đ, khoản 3, Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu chế biến sản phẩm được hỗ trợ nghiên cứu xây dựng dự án đầu tư chế biến sản phẩm quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 24 Nghị định này;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ưu đãi về tín dụng trong việc triển khai dự án đầu tư chế biến sản phẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

### **Điều 26. Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Trường hợp đăng ký thay đổi theo quy định của Luật Hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng các chính sách hỗ trợ được quy định tại Khoản 6 Điều 24 Nghị định này.

Trường hợp đăng ký do tiến hành sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì Nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí như đối với thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**2. Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã**

Tại Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; 5. Bổ sung điểm c khoản 1, sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:

**“Điều 25. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp**

1. Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

c) Ưu tiên hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã thực hiện các dịch vụ công ích, hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm và hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị.

2. Chính sách cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng các chính sách miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước được quy định tại điểm g khoản 1, khoản 9 Điều 19 và điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thuê đất, thuê mặt nước và khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

b) Khuyến khích thành viên, hợp tác xã thành viên góp vốn bằng quyền sử dụng đất, mặt nước để làm mặt bằng xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành rà soát nhu cầu, thực hiện đo đạc, cắm mốc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản trên đất cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương theo quy định của pháp luật đất đai.”

**3. Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020**

1. Hỗ trợ chung đối với hợp tác xã

a) Bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã.

- Điều kiện, tiêu chí: Được hợp tác xã cử đi bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã (có văn bản đề nghị được hỗ trợ bồi dưỡng của hợp tác xã).

- Nội dung hỗ trợ: Bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã; nghiên cứu thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học xuống làm việc ở hợp tác xã có thời hạn để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý; chi phí đi lại từ trụ sở chính của hợp tác xã đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); chi phí mua tài liệu của khóa học, chi phí tổ chức, quản lý lớp học (xây dựng giáo trình, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan, khảo sát, chi phí ăn, ở).

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí để thực hiện; Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ.

b) Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia tạo điều kiện cho hợp tác xã tham gia Chương trình nhằm nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, ưu tiên phê duyệt các đề án của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Hàng năm, Ban chỉ đạo Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

c) Ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã trong hoạt động ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới.

Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

d) Thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã

- Điều kiện, tiêu chí:

+ Tổ chức, cá nhân Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập hợp tác xã hoặc tham gia hợp tác xã (có văn bản đề nghị được hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã).

+ Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2013 tổ chức lại hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã (có văn bản đề nghị được hỗ trợ tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã).

- Nội dung hỗ trợ:

+ Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật hợp tác xã trước khi thành lập hợp tác xã cho sáng lập viên hợp tác xã.

+ Tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của hợp tác xã.

+ Tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí đối với thành lập mới hợp tác xã, đăng ký thay đổi theo quy định của Luật Hợp tác xã.

+ Ngân sách địa phương hỗ trợ 50% kinh phí đối với việc tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập. Phần kinh phí còn lại do hợp tác xã tự trang trải từ nguồn của hợp tác xã hoặc huy động từ những nguồn hợp pháp khác.

+ Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về mức và cơ chế tài chính hỗ trợ.

2. Đối với hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp

Ngoài việc được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi trên, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên là những cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp còn được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi sau:

- Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Ưu tiên các hợp tác xã có quy mô lớn về thành viên, tạo quy mô hàng hóa lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; hợp tác xã hoạt động trên các địa bàn khó khăn.

+ Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của hợp tác xã phải nhằm mục đích phục vụ sản xuất, kinh doanh chung cho cộng đồng thành viên hợp tác xã, phải thực hiện theo đúng các thủ tục về đầu tư và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Hỗ trợ xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh cho cộng đồng thành viên hợp tác xã bao gồm: trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp, giao thông nội đồng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể điều kiện, tiêu chí thụ hưởng.

+ Nguồn và mức hỗ trợ: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư của dự án, hợp tác xã đóng góp tối thiểu 20% tổng mức đầu tư của dự án.

+ Hỗ trợ của nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã, hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của nhà nước được chuyển vào ngân sách địa phương cùng cấp với cơ quan đăng ký hợp tác xã.

- Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh: Đối với hợp tác xã khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

- Hỗ trợ chế biến sản phẩm: Đối với hợp tác xã được thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

**4. Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp**

**Điều 2. Đối tượng áp dụng:** Thông tư này áp dụng đối với các hợp tác xã nông nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên có hoạt động sản xuất nông nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

**Điều 3. Danh mục các loại kết cấu hạ tầng của hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ**

1. Trụ sở làm việc;
2. Sân phơi, nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp;
3. Xưởng sơ chế, chế biến:
  - a) Xưởng sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp;
  - b) Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.
4. Công trình điện, nước sinh hoạt, chợ:
  - a) Hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp;
  - b) Công trình nước sinh hoạt gồm khu đầu mối và hệ thống đường ống cấp nước các khu vực trên địa bàn;
  - c) Chợ đầu mối, đấu giá nông sản.
5. Công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp bao gồm:
  - a) Cổng, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm;
  - b) Đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lừa, đường lâm nghiệp.
6. Công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm: hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè; nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng hải sản tập trung của hợp tác xã nông nghiệp trên biển.

**Điều 4. Điều kiện xét hỗ trợ**

1. Điều kiện chung
  - a) Hợp tác xã nông nghiệp thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13;
  - b) Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của hợp tác xã nông nghiệp phải đảm bảo:

Công trình kết cấu hạ tầng đề nghị hỗ trợ phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của hợp tác xã nông nghiệp;

Phù hợp với các quy hoạch liên quan;

Có phương án khai thác, duy tu, bảo dưỡng và kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với công trình kết cấu hạ tầng xin hỗ trợ;

Góp vốn đối ứng theo dự án được phê duyệt nhưng tối thiểu 20% tổng mức đầu tư.

## 2. Điều kiện ưu tiên

Hợp tác xã nông nghiệp được xét hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Có hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản với các doanh nghiệp có giá trị tối thiểu 300 triệu đồng/năm;

b) Tổ chức cho các thành viên sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến hoặc sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm;

c) Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Điều 5. Tiêu chí xét hỗ trợ

### 1. Hỗ trợ về trụ sở làm việc của hợp tác xã nông nghiệp

a) Chưa có trụ sở và chưa được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để thuê hoặc xây dựng trụ sở làm việc;

b) Trong thời gian 3 năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ, hợp tác xã nông nghiệp phải có ít nhất 1 năm đạt tổng doanh thu tối thiểu là 1,0 tỷ đồng/năm.

### 2. Hỗ trợ về sân phơi, nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp

Trong thời gian 3 năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ, hợp tác xã nông nghiệp phải có ít nhất 1 năm đạt tổng doanh thu tối thiểu là 1,0 tỷ đồng/năm.

### 3. Hỗ trợ về xưởng sơ chế, chế biến

a) Trong thời gian 3 năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ, hợp tác xã nông nghiệp phải có ít nhất 1 năm đạt tổng doanh thu tối thiểu là 1,0 tỷ đồng/năm.

b) Riêng đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung còn phải đảm bảo:

Công suất một ngày đêm của cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung do hợp tác xã đề nghị hỗ trợ phải đạt tối thiểu 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 con gia súc và 2.000 con gia cầm;

Bảo đảm phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### 4. Hỗ trợ về công trình điện, nước sinh hoạt, chợ đầu mối, đấu giá nông sản

a) Công trình điện: Chưa được hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp từ ngân sách nhà nước;

b) Công trình nước sinh hoạt: Hệ thống cấp nước sinh hoạt phải có quy mô tối thiểu 100 hộ sử dụng nước.

c) Chợ đầu mối, đấu giá nông sản:

Hợp tác xã nông nghiệp được nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp chợ đầu mối nông sản phải đáp ứng các quy định tại Điều 4 Thông tư số 24/2014/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với chợ đầu mối, đấu giá nông sản.

5. Hỗ trợ về công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp

a) Công trình thủy lợi nội đồng: Diện tích đất sản xuất do hợp tác xã nông nghiệp đảm nhận cấp nước, tưới hoặc tiêu tối thiểu phải đạt 50 ha; riêng đối với công trình cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm là 10 ha.

b) Công trình đường trục chính giao thông nội đồng: Vùng sản xuất nơi xây dựng, nâng cấp trục chính giao thông nội đồng phải có diện tích tối thiểu 50 ha; riêng đối với đường lâm nghiệp nội vùng phải có diện tích tối thiểu là 100 ha.

**5. Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020**

**Mục I. Hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực Hợp tác xã**

**Điều 5. Điều kiện và tiêu chí hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực HTX**

Điều kiện, tiêu chí hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực HTX thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Mục III, Điều 1, Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ đối với cán bộ quản lý và thành viên của HTX**

1. Hỗ trợ một lần tiền vé tàu, xe đi và về (bao gồm cả vé đò, vé phà nếu có) bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ máy bay) từ trụ sở chính của HTX đến cơ sở bồi dưỡng. Trường hợp đối tượng đào tạo, bồi dưỡng tự túc phương tiện, hỗ trợ theo mức khoán 1.000 đồng/km.

2. Hỗ trợ kinh phí mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ chương trình khóa học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

3. Hỗ trợ 50% chi phí ăn, ở cho đối tượng đào tạo, bồi dưỡng thuộc HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp theo mức chi công tác phí cho cán bộ, công chức do UBND cấp tỉnh quy định. Mức hỗ trợ này phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao.

4. Trường hợp HTX có trụ sở chính tại vùng điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo: các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng thuộc HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp ngoài các nội dung hỗ trợ tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hỗ trợ 100% tiền ăn, ở theo mức chi công tác phí cho cán bộ, công chức do UBND cấp tỉnh quy định và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao; các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng thuộc HTX hoạt động trong lĩnh vực khác được hỗ trợ bằng 50% so với mức hỗ trợ đối với HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp.

#### **Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ tổ chức, quản lý lớp bồi dưỡng nguồn nhân lực HTX**

1. Thuê hội trường, phòng học trong những ngày tổ chức lớp bồi dưỡng (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng học viên), thuê máy chiếu, trang thiết bị trực tiếp phục vụ lớp học.

2. Chi nước uống cho học viên: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

3. Chi mua, in ấn tài liệu phục vụ giảng dạy; chi in ấn chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng; chi khen thưởng học viên; chi mua văn phòng phẩm phục vụ lớp học.

4. Thù lao giảng viên, báo cáo viên; phụ cấp tiền ăn; tiền phương tiện đi lại; thuê phòng nghỉ cho giảng viên: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

Trường hợp báo cáo viên là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hợp tác xã đến giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm tại lớp tập huấn: mức thù lao được hưởng tối đa 500.000 đồng/buổi và được thanh toán tiền ăn, chi phí đi lại, thuê phòng nghỉ theo mức chi như đối với báo cáo viên quy định tại khoản này.

5. Chi tổ chức tham quan, khảo sát thực tế thuộc chương trình khóa học:

Trường hợp theo yêu cầu của khóa bồi dưỡng có nội dung tổ chức tham quan, khảo sát, đơn vị tổ chức lớp bồi dưỡng được chi trả tiền thuê xe và các chi phí liên hệ để tổ chức tham quan, khảo sát cho học viên.

Các lớp bồi dưỡng theo chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực HTX có nội dung tham quan, khảo sát phải nằm trong Kế hoạch hỗ trợ phát triển HTX đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (cấp Bộ phê duyệt đối với Kế hoạch hỗ trợ phát triển HTX của Bộ, UBND cấp tỉnh phê duyệt đối với Kế hoạch hỗ trợ phát triển HTX của tỉnh).

6. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập: Theo mức chi biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với



các ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định về nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

7. Phụ cấp tiền ăn, ở, phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho ban tổ chức lớp học trong trường hợp phải tổ chức khóa bồi dưỡng ở xa đơn vị bồi dưỡng: Theo mức chi chế độ công tác phí hiện hành quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

### **Điều 8. Hỗ trợ thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX**

#### 1. Nội dung hỗ trợ:

HTX có nhu cầu hỗ trợ về lao động có trình độ cao đẳng trở lên để hỗ trợ quản trị, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh phù hợp với lĩnh vực hoạt động chính của HTX được hỗ trợ như sau:

a) Các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp được hỗ trợ một lần để thuê tối đa 03 lao động có trình độ cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX, thời hạn hỗ trợ không quá 36 tháng.

b) Các HTX không hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp được hỗ trợ một lần để thuê 01 lao động có trình độ cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX, thời hạn hỗ trợ không quá 36 tháng.

#### 2. Điều kiện hỗ trợ:

a) HTX có phương án sử dụng lao động; ký hợp đồng lao động với người lao động theo quy định của Luật Lao động hiện hành và các văn bản hướng dẫn; có văn bản đề nghị được hỗ trợ.

b) HTX thuộc đối tượng hỗ trợ theo Kế hoạch hỗ trợ phát triển HTX được UBND cấp tỉnh phê duyệt, thuộc Kế hoạch hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực HTX của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kinh phí.

3. Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ tối đa cho một HTX bằng số lượng lao động được hỗ trợ x (nhân) mức lương tối thiểu vùng x (nhân) số tháng được hỗ trợ.

4. Các khoản phải trích nộp theo quy định của pháp luật hiện hành (Ví dụ: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) do HTX và người lao động chi trả theo quy định.

### **Mục II. Hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của HTX**

**Điều 9. Nội dung, điều kiện, tiêu chí hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của HTX**

Nội dung, điều kiện, tiêu chí hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của HTX thực hiện theo quy định tại Điểm d, khoản 1, Mục III Điều 1 Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 10. Mức hỗ trợ thành lập mới HTX**

1. Hỗ trợ kinh phí tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn về quy định của pháp luật về HTX cho các sáng lập viên HTX trước khi thành lập.

a) Chi tổ chức các lớp tập huấn tập trung:

- Thù lao giảng viên, báo cáo viên, phụ cấp tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

- Chi nước uống cho học viên: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

- Chi mua, in ấn tài liệu và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức lớp: theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ.

b) Chi thông tin tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về HTX: mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ kinh phí tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX.

a) Đối với hướng dẫn viên, cộng tác viên không phải là cán bộ, công chức:

- Thù lao: 30.000 đồng/1 giờ hướng dẫn trực tiếp;

- Chi phí đi lại: Tối đa 30.000 đồng/1 ngày trong trường hợp đi, về trong ngày. Trường hợp đi tư vấn ở xa, phải nghỉ lại thì được thanh toán chế độ công tác phí như đối với cán bộ công chức đi công tác theo quy định.

b) Đối với cán bộ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tư vấn:

Bồi dưỡng: 30.000 đồng - 70.000 đồng/1 buổi hướng dẫn trực tiếp (01 buổi tính bằng 04 giờ làm việc). Trường hợp đi tư vấn ở xa, phải nghỉ lại thì được thanh toán chế độ công tác phí như đối với cán bộ công chức đi công tác theo quy định.

#### **Điều 11. Mức chi hỗ trợ thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của HTX theo Luật HTX**

1. Trường hợp đăng ký thay đổi theo quy định của Luật HTX thì HTX được hưởng các chính sách hỗ trợ như đối với chính sách hỗ trợ thành lập mới HTX quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trường hợp đăng ký do tiến hành sáp nhập, hợp nhất, chia, tách HTX, liên hiệp HTX thì HTX được hỗ trợ 50% kinh phí như đối với thành lập mới HTX theo quy định tại quy định tại Điều 10 Thông tư này.

**6. Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27 tháng 04 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020**

### **I. Mục tiêu**

Đề đến năm 2020 đạt được mục tiêu 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp có hiệu quả cần tập trung thực hiện:

#### **1. Đối với hợp tác xã:**

a) Duy trì, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của khoảng 4.400 hợp tác xã nông nghiệp đã được phân loại và đánh giá là có hiệu quả năm 2017. Thực hiện việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để có trên 1.500 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp;

b) Nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp yếu, kém để phấn đấu có trên 5.400 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả (trong tổng số hơn 6.400 hợp tác xã nông nghiệp yếu kém hiện nay);

c) Thành lập mới và tạo điều kiện cho 5.200 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

2. Đối với liên hiệp hợp tác xã: Xây dựng các mô hình điểm về liên hiệp hợp tác xã. Phấn đấu có trên 50 liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

### **II. Nhiệm vụ**

#### **1. Củng cố nâng cao hiệu quả các hợp tác xã nông nghiệp**

a) Duy trì, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp đã được đánh giá là có hiệu quả: Tập trung chỉ đạo rà soát các hợp tác xã nhằm nâng cao chất lượng phương án sản xuất kinh doanh; tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và nguồn vốn vay tín dụng; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản trị, sản xuất (trong đó có thí điểm đưa cán bộ về hợp tác xã và đưa đi đào tạo tại nước ngoài); tăng cường liên kết với các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm.

b) Tập trung triển khai các mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp: Triển khai mạnh việc xây dựng các mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Xác định sản phẩm ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và hỗ trợ theo cơ chế, chính sách được quy định tại các Quyết định hiện hành, trên cơ sở đó lựa chọn các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả để hỗ trợ tham gia ứng dụng công nghệ cao, phấn đấu đến năm 2020 có trên 1.500 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

c) Nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp yếu, kém để đạt tiêu chí có hiệu quả: Tập trung chỉ đạo giúp các hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả; tích cực giải quyết khó khăn để giúp các hợp tác xã tiếp cận được với các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và nguồn vốn vay tín dụng; đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản trị, sản xuất (trong đó có thí điểm đưa cán bộ về hợp tác xã); chỉ đạo quyết liệt để phát triển các mối liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp để đầu tư sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

2. Xử lý dứt điểm việc giải thể, chuyển đổi sang loại hình khác đối với các hợp tác xã đã ngừng hoạt động

Lựa chọn những nơi thực hiện có hiệu quả việc giải thể hợp tác xã đã ngừng hoạt động để tập trung đánh giá phương pháp, cách làm, từ đó chỉ đạo các địa phương nghiên cứu vận dụng. Năm 2018, giải thể xong các hợp tác xã đã ngừng hoạt động.

3. Thành lập mới và tạo điều kiện cho các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả

a) Lựa chọn các ngành hàng chủ lực của quốc gia và địa phương để thúc đẩy việc thành lập hợp tác xã chuyên ngành nhằm tổ chức lại sản xuất trong từng ngành hàng: Lĩnh vực trồng trọt tập trung vào sản xuất lúa gạo chất lượng cao ở Đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực có điều kiện khác; cây công nghiệp ở 25 tỉnh trồng mía đường, 10 tỉnh trồng cà phê, 28 tỉnh trồng chè và một số tỉnh trồng điều, hồ tiêu; 40 tỉnh có diện tích trồng cây ăn quả lớn; cây rau ở những vùng chuyên canh. Phát triển hợp tác xã chăn nuôi đại gia súc (thịt, sữa) ở các tỉnh có đầu đàn gia súc lớn, hợp tác xã chăn nuôi lợn, gia cầm (thịt, trứng) ở các tỉnh có đầu đàn lớn, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản ở các vùng sản xuất tập trung; đánh bắt thủy sản ở 28 tỉnh có hoạt động khai thác; lâm nghiệp ở các tỉnh có rừng; diêm nghiệp ở 21 tỉnh có hoạt động sản xuất muối.

b) Phát triển hợp tác xã với sản phẩm đặc trưng làng, xã theo lợi thế của các vùng miền: Các tỉnh lựa chọn những sản phẩm đặc thù cho làng xã ở các vùng miền có giá trị như lâm sản, dược liệu, các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chất lượng cao ở khu vực miền núi; các loại rau, quả ở khu vực đồng bằng để xây dựng quy hoạch và cơ chế, chính sách để hỗ trợ phát triển. Trên cơ sở đó củng cố các hợp tác xã đã có và vận động thành lập các hợp tác xã mới.

4. Phát triển liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp

Trên cơ sở đánh giá hoạt động của liên hiệp hợp tác xã có hiệu quả để có giải pháp củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các liên hiệp hợp tác xã nông